

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 27-3-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.
2. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 233/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1975; Địa chỉ nơi cư trú: ấp x, xã TP 1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1975; Địa chỉ nơi cư trú: ấp x, xã TP 2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P, trình bày: Vào ngày 31/8/2015, anh Nguyễn Phước T có hỏi tiền anh để trả tiền vay Ngân hàng

Chính sách xã hội huyện Hồng Ngự với số tiền 300.000.000 đồng anh đồng ý và đưa tiền cho anh T tại Phòng giao dịch Ngân hàng Nông Nghiệp huyện Hồng Ngự do anh vừa vay tiền từ Ngân hàng Nông nghiệp và anh T nói khi vay lại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hồng Ngự thì trả liền cho anh. Sau khi nhận tiền vay xong ba đến bốn ngày sau anh đòi tiền mà anh T nói hồ sơ chưa vay xong. Đến năm ngày sau thì anh nghe tin anh T vay xong mà không trả cho anh. Anh nhiều lần đến nhà đòi thì đến ngày 26/01/2016 anh T trả được 70.000.000 đồng. Sau đó, anh có đòi nhiều lần nhưng không được đến ngày 02/4/2018 anh có làm đơn khởi kiện đến Tòa án thì ngày 07/5/2018 Tòa án mời anh và anh T đến Tòa thì anh T có làm biên bản thỏa thuận tại Tòa án sau 45 ngày kể từ ngày thỏa thuận anh T trả số tiền gốc là 230.000.000 đồng và hết năm 2018 thì anh T trả số tiền lãi đã thỏa thuận là 62.000.000 đồng, nhưng đến nay quá thời gian anh T không trả tiền cho anh theo thỏa thuận gốc và lãi là 292.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu anh T trả cho anh số tiền đã thỏa thuận là 292.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Nguyễn Phước T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để hòa giải và xét xử theo quy định của pháp luật nhưng anh T hoàn toàn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Về tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, buộc anh T trả cho anh P số tiền 292.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết thể hiện tranh chấp phát sinh giữa các đương sự xuất phát từ việc anh Nguyễn Phước T thỏa thuận trả nợ cho anh Nguyễn Văn P với số tiền cụ thể, do đó Hội đồng xét xử thấy rằng cần thay đổi lại quan hệ tranh chấp của vụ án này là “Đòi lại tài sản” mới đúng với bản chất của sự việc, đúng quy định của pháp luật. Đây là tranh chấp đòi lại tài sản được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Phước T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Phước T.

[3] Xét yêu cầu của Nguyễn Văn P, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn anh Nguyễn Phước T có nợ tiền của anh Nguyễn Văn P, điều đó đã được thể hiện qua biên nhận nhận tiền ngày 31/8/2015, mặt khác khi anh P khởi kiện tại Tòa án ngày 03/4/2018 thì khi tiến hành làm việc với anh T thì anh T cũng thừa nhận việc mượn tiền này và anh T có lập biên bản thỏa thuận với anh P là trong vòng 45 ngày kể từ ngày thỏa thuận (ngày 07/5/2018) anh T trả số tiền gốc là 230.000.000 đồng và hết năm 2018 thì anh T trả số tiền lãi đã thỏa thuận là 62.000.000 đồng. Vì vậy, việc khởi kiện của anh Nguyễn Văn P là có căn cứ, còn anh T không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh P.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, anh T chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ 292.000.000 đồng x 5% là 14.600.000 đồng; anh P không phải chịu án phí sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 91, 92, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 166, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn P. Buộc anh Nguyễn Phước T trả cho anh Nguyễn Văn P số tiền 292.000.000 đồng (hai trăm chín mươi hai triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Anh Nguyễn Phước T chịu 14.600.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Anh Nguyễn Văn P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.300.000 đồng (bảy triệu ba trăm nghìn đồng) theo lai thu tiền số 0004112 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng